



Số: 31.....2020/SCIEC - CBTT

(V/v: Báo cáo tài chính Hợp nhất  
6 tháng đầu năm 2020 đã soát xét)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải – Phó Giám đốc Công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,  
quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 đã  
được soát xét của Công ty Cổ phần SCI E&C bao gồm: Bảng cân đối kế toán Hợp  
nhất; Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất;  
Thuyết minh báo cáo tài chính Hợp nhất.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:  
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT/NGƯỜI THỰC  
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Nguyễn Chính Đại**

# SCI

Số: 32.2020 /SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020.

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ SCIE&C

Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần SCIE&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	435.749.546.450	927.475.439.720	- 53,02
2	Giá vốn hàng bán	271.197.184.922	835.380.316.245	- 67,54
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	66.757.227.133	40.027.238.275	+ 66,78

Nguyên nhân :

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Doanh thu Hợp nhất của Công ty giảm. Năm 2020, một số công trình/hạng mục có tỷ lệ lợi nhuận cao đã bắt đầu được nghiệm thu. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 tăng 66,78% so với cùng kỳ năm trước

*Xin trân trọng cảm ơn !*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT/NGƯỜI THỰC HIỆN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Chính Đại

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10-44

## CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, Tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập

### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc
Ông Phan Thanh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

---

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc ✓



---

**Nguyễn Chính Đại**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020*



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 634 /BCKT/TC/NV8

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 07 năm 2020, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

CÔNG TY  
TNHH  
KIỂM TOÁN  
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ  
VIỆT NAM

Lưu Quốc Thái

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 0155-2018-126-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.609.756.406.986</b>	<b>835.088.458.057</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>229.538.587.780</b>	<b>84.416.304.159</b>
1. Tiền	111		39.538.587.780	54.416.304.159
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	30.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>59.743.260.450</b>	<b>100.870.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		65.264.386.908	104.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(6.901.126.458)	(3.380.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.380.000.000	250.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>939.986.674.444</b>	<b>385.173.537.807</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	569.153.527.442	335.339.533.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	384.796.461.658	45.280.360.521
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	19.424.223.370	14.946.746.600
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.387.538.026)	(10.393.103.278)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>343.370.633.133</b>	<b>245.054.466.157</b>
1. Hàng tồn kho	141		343.370.633.133	245.054.466.157
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.117.251.179</b>	<b>19.574.149.934</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	615.072.305	259.055.806
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.449.012.407	19.273.759.073
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	53.166.467	41.335.055
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>504.032.793.799</b>	<b>185.710.483.804</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.753.750.000</b>	<b>2.328.700.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.753.750.000	2.328.700.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>173.469.747.732</b>	<b>161.474.571.577</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	139.514.484.578	134.043.926.941
- Nguyên giá	222		324.485.817.211	290.906.207.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.971.332.633)	(156.862.280.397)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	33.927.763.166	27.384.811.312
- Nguyên giá	225		45.853.615.818	31.683.615.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.925.852.652)	(4.298.804.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	27.499.988	45.833.324
- Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.500.012)	(64.166.676)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.716.714.351</b>	<b>10.988.309.091</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.716.714.351	10.988.309.091
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>286.363.561.644</b>	<b>10.520.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		286.363.561.644	10.520.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>729.020.072</b>	<b>398.903.136</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	102.045.472	309.341.534
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34.a	626.974.600	89.561.602
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.113.789.200.785</b>	<b>1.020.798.941.861</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.850.808.130.375</b>	<b>822.736.896.580</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.761.102.851.490</b>	<b>753.285.097.453</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	105.803.513.904	81.319.023.048
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	952.758.270.963	209.521.006.096
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	17.645.932.165	2.414.082.786
4. Phải trả người lao động	314		22.967.184.346	17.279.460.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.227.894.680	9.803.930.696
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	89.016.307.350	81.423.401.258
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	565.590.622.905	349.113.269.554
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.093.125.177	2.410.923.173
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>89.705.278.885</b>	<b>69.451.799.127</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	507.058.667	569.232.073
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	82.498.852.599	67.532.567.054
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	6.699.367.619	1.350.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>262.981.070.410</b>	<b>198.062.045.281</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>262.981.070.410</b>	<b>198.062.045.281</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.999.680.000	120.999.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.999.680.000	120.999.680.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	9.560.557.541
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.420.832.869	67.501.807.740
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		65.663.605.736	25.544.111.847
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		66.757.227.133	41.957.695.893
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.113.789.200.785</b>	<b>1.020.798.941.861</b>

Trần Quang Tuyên  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chính Đại  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	435.749.546.450	927.475.439.720
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		435.749.546.450	927.475.439.720
4. Giá vốn hàng bán	11	27	271.197.184.922	835.380.316.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		164.552.361.528	92.095.123.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	5.253.740.062	4.127.074.602
7. Chi phí tài chính	22	29	46.334.302.034	21.858.686.598
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.098.156.610	17.418.658.049
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	40.367.497.900	22.900.405.918
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		83.104.301.656	51.463.105.561
12. Thu nhập khác	31	31	319.723.145	82.918.472
13. Chi phí khác	32	32	8.608.941	1.500.959.808
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		311.114.204	(1.418.041.336)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		83.415.415.860	50.045.064.225
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	17.195.601.725	10.017.825.950
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34.b	(537.412.998)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>66.757.227.133</u>	<u>40.027.238.275</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		66.757.227.133	40.027.238.275
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.517	3.308

Trần Quang Tuyên  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Chính Đại  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		83.415.415.860	50.045.064.225
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		43.051.141.092	35.496.110.522
- Các khoản dự phòng	03		34.480.060.450	24.046.022.095
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		136.317.178	1.453.923.659
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.912.916.839)	(1.833.483.216)
- Chi phí lãi vay	06		20.098.156.610	17.418.658.049
14 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		176.268.174.351	126.626.295.334
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(595.963.527.895)	166.604.728.803
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(98.316.166.976)	(49.053.854.881)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		774.479.405.724	187.546.517.441
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(148.720.437)	151.029.944
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		36.120.481.467	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.319.776.547)	(14.322.577.645)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.993.856.268)	(3.839.135.690)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(180.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		270.126.013.419	413.533.003.306
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(84.309.078.983)	(53.193.128.065)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		327.272.729	20.167.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(600.492.783.680)	(54.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		323.519.222.036	20.480.287.670
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.507.822.350	3.171.752.487
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(356.447.545.548)	(63.373.587.908)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		607.173.329.777	540.127.767.658
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(370.120.725.256)	(472.877.208.552)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.608.965.625)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		231.443.638.896	67.250.559.106

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 30/06/2020	đến 30/06/2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		145.122.106.767	417.409.974.504
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		84.416.304.159	66.177.086.019
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		176.854	(30.746)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>229.538.587.780</u>	<u>483.587.029.777</u>

Trần Quang Tuyên  
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25/10/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.999.680.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 120.999.680.000 đồng; tương đương 12.099.968 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp)**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Quảng Trị	100,00%	100,00%	Xây lắp

**2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ - MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	5.292.975.647	3.953.498.092
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.245.612.133	50.462.806.067
Các khoản tương đương tiền	190.000.000.000	30.000.000.000
	<b>229.538.587.780</b>	<b>84.416.304.159</b>

Tại 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,25%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	1.380.000.000	1.380.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.380.000.000	1.380.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	286.363.561.644	286.363.561.644	10.520.000.000	10.520.000.000
Trái phiếu	4.520.000.000	4.520.000.000	10.520.000.000	10.520.000.000
Các khoản khác	281.843.561.644	281.843.561.644	-	-
	<b>287.743.561.644</b>	<b>287.743.561.644</b>	<b>10.770.000.000</b>	<b>10.770.000.000</b>

Khoản đầu tư trái phiếu gồm:

- Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), số lượng 452 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025.

Khoản đầu tư khác gồm:

- Hợp đồng quản lý đầu tư chỉ định số 06.0620/QLĐT/MBCapital-SCI giữa Công ty Cổ phần SCI E&C và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB: Công ty Cổ phần SCI E&C sẽ ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB quản lý đầu tư với giá trị ủy thác tại thời điểm 30/06/2020 là: 281.843.561.644 đồng.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu GEX	62.514.386.908	(6.851.126.458)	104.000.000.000	(3.380.000.000)
Cổ phiếu MHC	2.750.000.000	(50.000.000)	-	-
	<b>65.264.386.908</b>	<b>(6.901.126.458)</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>(3.380.000.000)</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	438.667.419.983	183.972.487.660
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.701.919.101	6.395.646.624
Công ty TNHH SCI Nghệ An	-	9.808.677.533
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50.268.408.184	47.952.239.722
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX Ninh Thuận	22.230.542.536	42.230.542.536
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	12.976.835.755	5.658.744.137
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	2.849.999.924	3.162.765.324
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.458.401.959	36.158.430.428
	<b>569.153.527.442</b>	<b>335.339.533.964</b>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

**83.342.148.344**

**202.517.204.515**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	3.645.175.000	-	3.645.175.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	2.470.599.999	-	2.470.599.999	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	5.726.516.118	-	5.726.516.118	-
Công ty Cổ phần Trường Danh	21.099.240.000	-	-	-
Enercon GmbH	280.071.101.200	-	-	-
Voith Hydro Private Limited	10.458.642.089	-	9.945.602.089	-
Công ty CP Công trình ngầm Việt Nam - Xây dựng Thủy điện	9.073.510.293	-	3.073.510.293	-
Công ty CP đầu tư và xây dựng Tân Đông	8.992.953.771	-	6.500.000.000	-
Trả trước khác	43.258.723.188	-	13.918.957.022	-
	<b>384.796.461.658</b>	<b>-</b>	<b>45.280.360.521</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	461.407.891	-	386.612.274	-
Phải thu người lao động	2.765.415.868	-	933.704.188	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	134.537.855	-	-	-
Tạm ứng	7.194.529.723	-	6.559.133.558	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	3.329.757.669	-	3.228.663.636	-
Phải thu khác	5.528.574.364	383.541.210	3.828.632.944	383.541.210
	<b>19.424.223.370</b>	<b>383.541.210</b>	<b>14.946.746.600</b>	<b>383.541.210</b>

**b) Phải thu dài hạn khác**

Ký cược, ký quỹ	2.753.750.000	-	2.328.700.000	-
	<b>2.753.750.000</b>	<b>-</b>	<b>2.328.700.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	75.190.336.857	41.802.798.831	10.393.103.278	-
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6.248.083.094	-	6.248.083.094	-
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	-	3.425.189.422	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	2.318.078.250	695.423.475	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	7.589.191.360	3.794.595.680	-	-
Công ty Cổ phần SCI	51.970.907.869	36.379.635.508	-	-
Đối tượng khác	3.638.886.862	933.144.168	719.830,762	-
	<b>75.190.336.857</b>	<b>41.802.798.831</b>	<b>10.393.103.278</b>	<b>-</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	78.947.910.803	-	34.083.478.417	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	264.422.722.330	-	210.970.987.740	-
	<b>343.370.633.133</b>	<b>-</b>	<b>245.054.466.157</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	11.221.128.927	180.227.859.292	98.466.484.021	854.735.098	136.000.000	290.906.207.338
Mua sắm	-	34.578.361.434	5.872.727.274	780.446.801	-	41.231.535.509
Phân loại lại	-	3.075.022.729	(3.075.022.729)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.341.732.000)	(310.193.636)	-	(7.651.925.636)
Tại ngày 30/06/2020	11.221.128.927	217.881.243.455	93.922.456.566	1.324.988.263	136.000.000	324.485.817.211
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2020	7.359.221.687	96.525.319.057	52.203.356.820	715.449.517	58.933.316	156.862.280.397
Trích khấu hao	140.264.112	22.693.080.932	12.418.047.075	127.167.499	27.199.992	35.405.759.610
Phân loại lại	-	(1.466.150.872)	1.466.150.872	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.269.962.526)	(26.744.848)	-	(7.296.707.374)
Tại ngày 30/06/2020	7.499.485.799	117.752.249.117	58.817.592.241	815.872.168	86.133.308	184.971.332.633
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	3.861.907.240	83.702.540.235	46.263.127.201	139.285.581	77.066.684	134.043.926.941
Tại ngày 30/06/2020	3.721.643.128	100.128.994.338	35.104.864.325	509.116.095	49.866.692	139.514.484.578

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 97.320.712.836 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.395.885.308 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**      **MẪU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	30.910.000.000	773.615.818	31.683.615.818
Thuê tài chính	14.170.000.000	-	14.170.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>45.080.000.000</b>	<b>773.615.818</b>	<b>45.853.615.818</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	4.266.570.510	32.233.996	4.298.804.506
Trích khấu hao	7.530.346.158	96.701.988	7.627.048.146
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>11.796.916.668</b>	<b>128.935.984</b>	<b>11.925.852.652</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	26.643.429.490	741.381.822	27.384.811.312
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>33.283.083.332</b>	<b>644.679.834</b>	<b>33.927.763.166</b>

**14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2020	110.000.000	110.000.000
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>110.000.000</b>	<b>110.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2020	64.166.676	64.166.676
Trích khấu hao	18.333.336	18.333.336
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>82.500.012</b>	<b>82.500.012</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2020	45.833.324	45.833.324
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>27.499.988</b>	<b>27.499.988</b>

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	612.472.305	20.577.588
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.600.000	238.478.218
	<b>615.072.305</b>	<b>259.055.806</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	39.041.494	114.174.879
Chi phí mua bảo hiểm	63.003.978	175.048.039
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	20.118.616
	<b>102.045.472</b>	<b>309.341.534</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần SCI	2.518.809.907	2.518.809.907	508.370.878	508.370.878
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	6.116.804.393	6.116.804.393	2.257.450.231	2.257.450.231
Công ty TNHH Đại Minh	4.498.365.282	4.498.365.282	4.973.835.282	4.973.835.282
Công ty TNHH Xây dựng TM dịch vụ D.N.T	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707
Voith Hydro Private Limited	430.913.141	430.913.141	814.488.690	814.488.690
Furukawa Rock Drill Co.,Ltd	10.516.276.000	10.516.276.000	15.601.617.000	15.601.617.000
Zambooo industrial limited	13.977.000.000	13.977.000.000	-	-
Công ty TNHH xây dựng Sơn Hải	2.866.848.136	2.866.848.136	3.366.848.136	3.366.848.136
Công ty CP CT Ngầm Việt Nam - XD Thủy điện	964.425.000	964.425.000	5.524.909.779	5.524.909.779
Các khoản phải trả khác	55.980.650.338	55.980.650.338	40.338.081.345	40.338.081.345
	<b>105.803.513.904</b>	<b>105.803.513.904</b>	<b>81.319.023.048</b>	<b>81.319.023.048</b>
Phải trả người bán là các bên liên quan	<b>2.975.613.216</b>	<b>2.975.613.216</b>	<b>746.041.789</b>	<b>746.041.789</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	6.627.086.596	6.627.086.596	6.627.086.596	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	29.772.040	29.772.040	29.772.040	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.039.663.493	17.195.601.725	1.993.856.268	1.993.856.268	-	-	11.831.412	17.241.408.950	359.728.165
Thuế Thu nhập cá nhân	-	329.624.243	993.056.834	974.784.324	974.784.324	-	-	41.335.055	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	41.335.055	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	8.000.000	8.000.000	8.000.000	-	-	-	5.190.507	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	-	39.604.543
	<b>41.335.055</b>	<b>2.414.082.786</b>	<b>24.853.517.195</b>	<b>9.633.499.228</b>	<b>9.633.499.228</b>	<b>53.166.467</b>	<b>17.645.932.165</b>			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13.588.401.399	15.788.116.612
Công ty CP SCI Lai Châu	294.384.330.951	182.761.434.371
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	374.814.083.500	-
Công ty CP năng lượng Gelex Quảng Trị	259.000.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	10.971.455.113	10.971.455.113
	<b>952.758.270.963</b>	<b>209.521.006.096</b>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>	<b>294.384.330.951</b>	<b>182.761.434.371</b>

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	682.371.750	903.991.687
Trích trước chi phí các công trình	2.533.522.930	8.899.939.009
Chi phí khác	12.000.000	-
	<b>3.227.894.680</b>	<b>9.803.930.696</b>

**20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chênh lệch giá trị còn lại và giá thuê tài sản cố định thuê tài chính	507.058.667	569.232.073
	<b>507.058.667</b>	<b>569.232.073</b>

**21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	724.052.530	540.924.690
Bảo hiểm thất nghiệp	-	43.339.750
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	20.035.717.739	20.130.335.326
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	-	328.599.001
Phải trả tiền nhân công đội xây dựng	31.604.070.338	-
Khoản Margin đầu tư chứng khoán	33.203.078.321	53.985.867.527
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.449.388.422	6.394.334.964
	<b>89.016.307.350</b>	<b>81.423.401.258</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,  
phường Mỹ Trí, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	319.884.813.820	319.884.813.820	559.494.884.064	355.641.136.479	523.738.561.405	523.738.561.405
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(1)</sup>	281.116.529.931	281.116.529.931	523.605.326.124	301.872.852.590	502.849.003.465	502.849.003.465
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh <sup>(2)</sup>	27.453.283.889	27.453.283.889	5.889.557.940	27.453.283.889	5.889.557.940	5.889.557.940
- Vay ngắn hạn cá nhân <sup>(3)</sup>	11.315.000.000	11.315.000.000	30.000.000.000	26.315.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	20.740.930.734	20.740.930.734	25.674.982.043	14.479.588.777	31.936.324.000	31.936.324.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(4)</sup>	16.850.482.695	16.850.482.695	22.924.525.595	13.120.235.290	26.654.773.000	26.654.773.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh <sup>(5)</sup>	3.890.448.039	3.890.448.039	2.631.456.448	1.359.353.487	5.162.551.000	5.162.551.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội <sup>(6)</sup>	-	-	119.000.000	-	119.000.000	119.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	8.487.525.000	8.487.525.000	7.037.178.125	5.608.965.625	9.915.737.500	9.915.737.500
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội <sup>(7)</sup>	8.487.525.000	8.487.525.000	7.037.178.125	5.608.965.625	9.915.737.500	9.915.737.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>349.113.269.554</b>	<b>349.113.269.554</b>	<b>592.207.044.232</b>	<b>375.729.690.881</b>	<b>565.590.622.905</b>	<b>565.590.622.905</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,  
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn							
Vay dài hạn	61.245.722.788	61.245.722.788	40.957.445.713	14.479.588.777	87.723.579.724	87.723.579.724	87.723.579.724
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây <sup>(4)</sup>	48.675.480.314	48.675.480.314	40.362.445.713	13.120.235.290	75.917.690.737	75.917.690.737	75.917.690.737
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội <sup>(5)</sup>	11.654.476.174	11.654.476.174	-	1.359.353.487	10.295.122.687	10.295.122.687	10.295.122.687
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội <sup>(6)</sup>	915.766.300	915.766.300	595.000.000	-	1.510.766.300	1.510.766.300	1.510.766.300
Nợ thuế tài chính dài hạn	35.515.300.000	35.515.300.000	6.721.000.000	5.608.965.625	36.627.334.375	36.627.334.375	36.627.334.375
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội <sup>(7)</sup>	35.515.300.000	35.515.300.000	6.721.000.000	5.608.965.625	36.627.334.375	36.627.334.375	36.627.334.375
	<b>96.761.022.788</b>	<b>96.761.022.788</b>	<b>47.678.445.713</b>	<b>20.088.554.402</b>	<b>124.350.914.099</b>	<b>124.350.914.099</b>	<b>124.350.914.099</b>
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(29.228.455.734)	(29.228.455.734)	(32.712.160.168)	(20.088.554.402)	(41.852.061.500)	(41.852.061.500)	(41.852.061.500)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>67.532.567.054</b>	<b>67.532.567.054</b>			<b>82.498.852.599</b>	<b>82.498.852.599</b>	<b>82.498.852.599</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dir nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2019/283367/HDTĐHM ngày 31/05/2019	1.500.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cấp tín dụng đến 30/04/2020	502.849.003.465	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng số 01/2020/283367/HDTĐ ngày 05/05/2020	800.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cấp tín dụng đến 30/04/2021	142.527.805.663	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 19134/HDTĐ.DAH ngày 22/01/2020	142.010.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng đến 28/12/2020	5.889.557.940	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Vay cá nhân					15.000.000.000	

Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân là cán bộ nhân viên trong công ty với thời hạn từ 01 đến 05 tháng, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn		Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dir nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020	Phương thức bảo đảm tiền vay
STT	Ngân hàng/Hợp đồng						
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	75.917.690.737 2.656.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 07/11/2017	20.847.629.925	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	10.330.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HĐTD ngày 12/06/2018	17.278.800.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	6.393.759.904	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTD ngày 27/03/2018	8.500.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-2.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	4.306.948.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2018/283367/HĐTD ngày 26/12/2018	19.359.278.260	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 31/03/2019, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-5.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	17.930.188.973	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2019/283367/HĐTD ngày 30/10/2019	111.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 31/12/2019, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.1.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	16.226.928.860	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2020/283367/HĐTD ngày 27/04/2020	34.400.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/06/2020, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.2.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	2.310.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2020/283367/HĐTD ngày 06/04/2020	35.700.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/06/2020, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.3.	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	14.538.865.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2020/283367/HĐTD ngày 26/05/2020	34.900.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/06/2020, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.4.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	1.225.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

MÃU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dự nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Sorni Romóc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	46.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 15189/TH/HĐT.DAH ngày 26/08/2015	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	2.967.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH/HĐT.DAH ngày 30/05/2016	22.638.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.463.435.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng vay số 17293/TH/HĐT.DAH ngày 21/05/2018	19.800.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,6%/năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.817.720.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội	9.500.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	697.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVDADD/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018	4.435.766.300	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	218.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng vay số 07/2020-HDDCVDADBT/NHCT146-SCI ngày 28/04/2020	595.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán chi phí mua xe HILUX 2.4	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	595.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

MÃU SỐ B 09-DN

**Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính**

7	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội Hợp đồng thuê tài chính số 15.652.000.000 21719000076/HĐC TTC ngày 03/05/2019	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	60 tháng kể từ ngày nhận nợ (03/05/2024)	36.627.334.375 12.521.600.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 13.892.400.000 21719000230/HĐC TTC ngày 28/10/2019	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ (29/10/2023)	12.155.850.000
	Hợp đồng thuê tài chính số 7.536.100.000 21719000327/HĐC TTC ngày 26/12/2019	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ (31/12/2023)	6.594.087.500
	Hợp đồng thuê tài chính số 5.712.850.000 21720000001/HĐC TTC ngày 06/01/2020	Lãi suất thuê cố định 8,5%/năm trong 6 tháng đầu tiên, sau đó điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Phục vụ thi công xây dựng	48 tháng kể từ ngày nhận nợ (06/01/2024)	5.355.796.875

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	6.699.367.619	1.350.000.000
	<b>6.699.367.619</b>	<b>1.350.000.000</b>

**24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019</b>				
Tại ngày 01/01/2019	109.999.950.000	9.560.557.541	37.551.471.779	157.111.979.320
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	41.957.695.893	41.957.695.893
Phân phối lợi nhuận	-	-	(827.629.932)	(827.629.932)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	10.999.730.000	-	(10.999.730.000)	-
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>120.999.680.000</b>	<b>9.560.557.541</b>	<b>67.501.807.740</b>	<b>198.062.045.281</b>
<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>				
Tại ngày 01/01/2020	120.999.680.000	9.560.557.541	67.501.807.740	198.062.045.281
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	66.757.227.133	66.757.227.133
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.682.202.004)	(1.682.202.004)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>120.999.680.000</b>	<b>9.560.557.541</b>	<b>132.420.832.869</b>	<b>262.981.070.410</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-SCIEC-ĐHDCĐ ngày 25/6/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.055.050.105
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,00%	1.682.202.004
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 5% vốn điều lệ)		6.049.984.000
Lợi nhuận chưa phân phối		34.322.864.101

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	60,5%	73.205.000.000	60,5%	73.205.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,5%	47.794.680.000	39,5%	47.794.680.000
	<b>100%</b>	<b>120.999.680.000</b>	<b>100%</b>	<b>120.999.680.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.999.680.000	120.999.680.000
- Vốn góp đầu kỳ	120.999.680.000	109.999.950.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	10.999.730.000
- Vốn góp cuối kỳ	120.999.680.000	120.999.680.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	10.999.730.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	10.999.730.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.099.968	12.099.968
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.099.968	12.099.968
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.968	12.099.968
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.099.968	12.099.968
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.968	12.099.968
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541
	<b>9.560.557.541</b>	<b>9.560.557.541</b>

**25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	30/06/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	26.203,90	26.203,90

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

### 26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	2.020.478.208	18.472.542.941
Doanh thu hợp đồng xây dựng	433.729.068.242	909.002.896.779
	<u>435.749.546.450</u>	<u>927.475.439.720</u>
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)</i>	<u>356.694.932.323</u>	<u>133.583.364.713</u>

### 27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.513.704.190	14.876.883.183
Giá vốn hợp đồng xây dựng	269.683.480.732	820.503.433.062
	<u>271.197.184.922</u>	<u>835.380.316.245</u>

### 28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	4.657.413.584	2.816.995.163
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	804.858.802
Lãi bán các khoản đầu tư	-	480.287.670
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	596.326.478	24.932.967
	<u>5.253.740.062</u>	<u>4.127.074.602</u>

### 29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.098.156.610	17.418.658.049
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	18.795.768.784	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	100.320.798	2.986.104.890
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	136.317.178	1.453.923.659
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.136.258.083	-
Chi phí tài chính khác	1.067.480.581	-
	<u>46.334.302.034</u>	<u>21.858.686.598</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.319.448.712	883.300.026
Chi phí nhân công	6.363.998.857	6.756.561.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.648.990.222	1.307.054.108
Thuế, phí, lệ phí	931.739.787	616.137.587
Chi phí dự phòng	22.994.434.748	9.646.022.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.605.373.433	2.757.660.870
Chi phí khác bằng tiền	1.503.512.141	933.670.046
	<b>40.367.497.900</b>	<b>22.900.405.918</b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	255.503.255	-
Thu nhập khác	64.219.890	82.918.472
	<b>319.723.145</b>	<b>82.918.472</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.463.799.617
Chi phí không được trừ khi tính thuế	6.526.464	37.160.191
Chi phí khác	2.082.477	-
	<b>8.608.941</b>	<b>1.500.959.808</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.415.415.860	50.045.064.225
Các khoản điều chỉnh tăng	7.495.757	199.678.265
- Chi phí không hợp lệ	7.495.757	199.678.265
Các khoản điều chỉnh giảm	(21.614.494)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(21.614.494)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	83.401.297.123	50.244.742.490
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.195.601.725</b>	<b>10.017.825.950</b>

**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	626.974.600	89.561.602
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>626.974.600</b>	<b>89.561.602</b>

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(537.412.998)	-
	<b>(537.412.998)</b>	<b>-</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	66.757.227.133	40.027.238.275
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	66.757.227.133	40.027.238.275
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.099.958	12.099.958
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.517</b>	<b>3.308</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.309.406.920	113.245.897.423
Chi phí nhân công	90.067.585.339	53.078.154.370
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.051.141.092	13.958.848.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258.344.591.620	42.571.019.993
Chi phí khác bằng tiền	5.616.330.708	3.410.260.060
	<b>622.389.055.679</b>	<b>226.264.180.200</b>

**37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.538.587.780	-	84.416.304.159	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	591.331.500.812	(33.387.538.026)	352.614.980.564	(10.393.103.278)
Đầu tư ngắn hạn	66.644.386.908	(6.901.126.458)	104.250.000.000	(3.380.000.000)
Đầu tư dài hạn	286.363.561.644	-	10.520.000.000	-
	<b>1.173.878.037.144</b>	<b>(40.288.664.484)</b>	<b>551.801.284.723</b>	<b>(13.773.103.278)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	648.089.475.504	416.645.836.608
Phải trả người bán, phải trả khác	194.819.821.254	162.742.424.306
Chi phí phải trả	3.227.894.680	9.803.930.696
	<b>846.137.191.438</b>	<b>589.192.191.610</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** MẪU SỐ B 09-DN  
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	229.538.587.780	-	-	229.538.587.780
Phải thu khách hàng, phải thu khác	555.190.212.786	2.753.750.000	-	557.943.962.786
Đầu tư ngắn hạn	59.743.260.450	-	-	59.743.260.450
Đầu tư dài hạn	286.363.561.644	-	-	286.363.561.644
	<b>1.130.835.622.660</b>	<b>2.753.750.000</b>	<b>-</b>	<b>1.133.589.372.660</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.416.304.159	-	-	84.416.304.159
Phải thu khách hàng, phải thu khác	339.893.177.286	2.328.700.000	-	342.221.877.286
Đầu tư ngắn hạn	100.870.000.000	-	-	100.870.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.000.000.000	2.520.000.000	10.520.000.000
	<b>525.179.481.445</b>	<b>10.328.700.000</b>	<b>2.520.000.000</b>	<b>538.028.181.445</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	565.590.622.905	82.498.852.599	-	648.089.475.504
Phải trả người bán, phải trả khác	194.819.821.254	-	-	194.819.821.254
Chi phí phải trả	3.227.894.680	-	-	3.227.894.680
	<u>763.638.338.839</u>	<u>82.498.852.599</u>	<u>-</u>	<u>846.137.191.438</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	349.113.269.554	67.532.567.054	-	416.645.836.608
Phải trả người bán, phải trả khác	162.742.424.306	-	-	162.742.424.306
Chi phí phải trả	9.803.930.696	-	-	9.803.930.696
	<u>521.659.624.556</u>	<u>67.532.567.054</u>	<u>-</u>	<u>589.192.191.610</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý**

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.497.037.787	357.252.508.663	435.749.546.450
Tài sản bộ phận	1.922.985.696.887	190.803.503.898	2.113.789.200.785
Tổng chi phí mua TSCĐ	37.826.901.640	3.404.633.869	41.231.535.509

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,  
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	356.694.932.323	109.632.537.131
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	18.221.701.742
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	-	5.729.125.840
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	58.036.820.575	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	15.170.594.224	3.114.867.426
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	222.660.221
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	530.243.258	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	438.667.419.983	183.887.017.521
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	9.808.677.533
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	2.849.999.924	3.162.765.324
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	12.976.835.755	5.658.744.137
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>			
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	1.300.437.707	1.664.572.893
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51.510.997	51.510.997
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	1.131.001.929	-
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	2.518.809.907	508.370.878
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	456.803.309	237.670.911
<b>Người mua trả tiền trước</b>			
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	294.384.330.951	182.761.434.371
<b>Phải trả khác</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	-	3.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.143.155.568	2.105.316.887

**CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,  
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**41 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

**Trần Quang Tuyên**  
Người lập

**Cao Lữ Phi Hùng**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Chính Đại**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020*

